

3804 - User Story - Xp hng, xut nhà cung cp nhà thu v1 (to mi)

	Nghip v		IT	
	Ngi lp	Ngi duy	Ngi lp	Ngi duy
H và tên	Mai Kiu Mi	V Th M		
Tài khon email/MS team	mimk2	movt2		
Chc danh	Business Analyst (BA)	Business Analyst Business (BA BIZ)		
Ngày son tho				
Jira Link	BPMKVH-3804 - Jira project doesn't exist or you don't have permission to view it.			

1. Card (Mô t tính nng)

Là admin nghip v, tôi mun xp hng và xut tng ng vi im s c ánh giá cho các nhà cung cp nhà thu

2. Confirmation/ Acceptance Criteria (Tiêu chí nghim thu)

2.1. Tôi mun xem c danh sách xp hng ánh giá bao gm thông tin

- Mã xp hng ánh giá
- Tên xp hng ánh giá
- Phiên bn
- Mã thang im- Tên thang im
- Ngày to
- Ngày áp dng
- Trng thái (Hot ng/Không hot ng/óng)

2.2. Tôi mun sp xp theo Ngày to (Ngày to mi lên trên)

2.3. Tôi mun tìm kim c xp hng trong danh sách xp hng theo mã- tên xp hng

2.4. Tôi mun lc c theo nhng tiêu chí sau:

- Mã thang im- Tên thang im
- Phiên bn
- Trng thái

2.5. Tôi mun to mi c Xp hng ánh giá tng ng theo thang im bao gm các thông tin:

- Mã xp hng ánh giá
- Tên xp hng ánh giá
- Mã thang im- Tên thang im: Chn t danh mc mã thang im
- Phiên bn
- Ngày to
- Ngày áp dng: Cho phép nhp ngày quá kh
- Loi ánh giá: disable, Load theo mã thang im
- Lnh vc: disable, Load theo mã thang im
- Bng thông tin xp hng:
 - Giá tr im ti thiu: Du, S
 - Giá tr im ti a: Du, S
 - Xp hng
 - xut
- Trng thái (Hot ng/Không hot ng)

2.6. Tôi mun h thng cnh báo và chn trong trng hp thêm mi trùng mã xp hng

2.7. Tôi mun h thng cnh báo và chn trong trng hp thêm mi xp hng có mã thang im trùng vi mã thang im ca mt mã xp hng khác

2.8. Tôi mun h thng cnh báo và chn trong trng hp các khong im trong cùng mã xp hng giao nhau

2.9. Tôi muốn xem chi tiết xếp hạng

2.10. Tôi muốn cập nhật thông tin xếp hạng và xuất, phiên bản áp dụng khi cập nhật thông tin ảnh hưởng lên lịch sử ảnh hưởng theo mã xếp hạng cao nhất hiện tại

3. Conversation (Mô tả chi tiết)

3.1 UI/UX: S25

3.1.1. Màn hình Danh mục xếp hạng theo thang điểm

The screenshot displays a web application interface for 'BPM1 - Số hóa Khối Vận hành'. The user is logged in as 'Duy Hoang Anh (TNTECH-TTKD TKT...)' with email 'duyha2@ntecovn'. The main content area shows a table titled 'Danh mục xếp hạng đánh giá theo thang điểm'. The table has columns for STT, Mã XH đánh giá, Tên xếp hạng đánh giá, Mã - Tên thang điểm, Phiên bản, Ngày tạo, Ngày áp dụng, and Trạng thái. There are 10 rows of data, all with creation and application dates of 10/10/2025. The status of the first row is 'Hoạt động', while the others are 'Đóng' or 'Không hoạt động'. A search bar and a 'Lọc' button are present above the table. A pagination bar at the bottom shows 'Hiện thị kết quả 1 - 10 trên tổng 17' and page numbers 1, 2, 3, ..., 66, >.

STT	Mã XH đánh giá	Tên xếp hạng đánh giá	Mã - Tên thang điểm	Phiên bản	Ngày tạo	Ngày áp dụng	Trạng thái
1	<Mã>	<Tên xếp hạng đánh giá>	<Mã- Tên Thang điểm>	<Phiên bản>	10/10/2025	10/10/2025	Hoạt động
2	<Mã>	<Tên xếp hạng đánh giá>	<Mã- Tên Thang điểm>	<Phiên bản>	10/10/2025	10/10/2025	Không hoạt động
3	<Mã>	<Tên xếp hạng đánh giá>	<Mã- Tên Thang điểm>	<Phiên bản>	10/10/2025	10/10/2025	Đóng
4	<Mã>	<Tên xếp hạng đánh giá>	<Mã- Tên Thang điểm>	<Phiên bản>	10/10/2025	10/10/2025	Đóng
5	<Mã>	<Tên xếp hạng đánh giá>	<Mã- Tên Thang điểm>	<Phiên bản>	10/10/2025	10/10/2025	Đóng
6	<Mã>	<Tên xếp hạng đánh giá>	<Mã- Tên Thang điểm>	<Phiên bản>	10/10/2025	10/10/2025	Đóng
7	<Mã>	<Tên xếp hạng đánh giá>	<Mã- Tên Thang điểm>	<Phiên bản>	10/10/2025	10/10/2025	Đóng
8	<Mã>	<Tên xếp hạng đánh giá>	<Mã- Tên Thang điểm>	<Phiên bản>	10/10/2025	10/10/2025	Đóng
9	<Mã>	<Tên xếp hạng đánh giá>	<Mã- Tên Thang điểm>	<Phiên bản>	10/10/2025	10/10/2025	Đóng
10	<Mã>	<Tên xếp hạng đánh giá>	<Mã- Tên Thang điểm>	<Phiên bản>	10/10/2025	10/10/2025	Đóng

3.1.2. Màn hình thêm mới xếp hạng ảnh hưởng

Thêm mới xếp hạng đánh giá



Mã xếp hạng đánh giá *

Tên xếp hạng đánh giá *

Mã - Tên thang điểm *

Loại đánh giá

Lĩnh vực *

Ngày áp dụng *



Trạng thái hoạt động *

	STT	Giá trị điểm số tối thiểu *	Giá trị điểm số tối đa *	Xếp hạng	Đề xuất
	1	< <input type="text" value="Nhập giá trị"/>	< <input type="text" value="Nhập giá trị"/>	Nhập xếp hạng	Nhập đề xuất
	2	≤ <input type="text" value="Nhập giá trị"/>	< <input type="text" value="Nhập giá trị"/>	Nhập xếp hạng	Nhập đề xuất
	3	< <input type="text" value="Nhập giá trị"/>	< <input type="text" value="Nhập giá trị"/>	Nhập xếp hạng	Nhập đề xuất
	4	< <input type="text" value="Nhập giá trị"/>	< <input type="text" value="Nhập giá trị"/>	Nhập xếp hạng	Nhập đề xuất
	5	< <input type="text" value="Nhập giá trị"/>	< <input type="text" value="Nhập giá trị"/>	Nhập xếp hạng	Nhập đề xuất
	6	< <input type="text" value="Nhập giá trị"/>	< <input type="text" value="Nhập giá trị"/>	Nhập xếp hạng	Nhập đề xuất

Thêm dòng

Hủy

Áp dụng

Thêm mới xếp hạng đánh giá ✕

Mã xếp hạng đánh giá *

Tên xếp hạng đánh giá *

Mã - Tên thang điểm *

Loại đánh giá

Lĩnh vực

Ngày áp dụng *

Trạng thái hoạt động *

	STT	Giá trị điểm số tối thiểu *	Giá trị điểm số tối đa *	Xếp hạng	Đề xuất
	1	< 10	< 10	<Xếp hạng>	<Đề xuất>
	2	< 10	< 10	<Xếp hạng>	<Đề xuất>
	3	< 10	< 10	<Xếp hạng>	<Đề xuất>
	4	< 10	< 10	<Xếp hạng>	<Đề xuất>
	5	< 10	< 10	<Xếp hạng>	<Đề xuất>
	6	< 10	< 10	<Xếp hạng>	<Đề xuất>

Thêm dòng

Hủy
Áp dụng

3.1.3. Màn hình xem chi tiết xếp hạng đánh giá:

Xem chi tiết xếp hạng đánh giá



Mã xếp hạng đánh giá *

<Mã xếp hạng>

Tên xếp hạng đánh giá *

<Tên xếp hạng đánh giá>

Mã - Tên thang điểm *

<Mã - Tên thang điểm>

Loại đánh giá

<Loại đánh giá>

Lĩnh vực

<Lĩnh vực>

Ngày áp dụng *

10/10/2025



Ngày tạo

10/10/2025



Phiên bản

<Phiên bản>

Trạng thái hoạt động *

Hoạt động

STT	Giá trị điểm số tối thiểu *	Giá trị điểm số tối đa *	Xếp hạng	Đề xuất
1	< 10	< 10	<Xếp hạng>	<Đề xuất>
2	< 10	< 10	<Xếp hạng>	<Đề xuất>
3	< 10	< 10	<Xếp hạng>	<Đề xuất>
4	< 10	< 10	<Xếp hạng>	<Đề xuất>
5	< 10	< 10	<Xếp hạng>	<Đề xuất>
6	< 10	< 10	<Xếp hạng>	<Đề xuất>

Hủy

3.1.4. Màn hình tìm kiếm:

3.1.4.1. Màn hình kt qu tìm kiếm trng:



🔗 Danh mục xếp hạng đánh giá theo thang điểm

🔍 Tìm kiếm theo tên/ mã xếp hạng

🔼 Lọc

+ Thêm mới



Ở đây chưa có gì cả
Hiện tại xếp hạng đánh giá thang điểm nào

3.1.4.2. Màn hình kt qu tìm kim có ghi nhn kt qu:

3.1.5. Màn hình pop-up b lc:

3.1.5.1. Màn hình pop-up b lc:

🔼 Bộ lọc ✕

Phiên bản

Chọn phiên bản ▼

Mã - Tên thang điểm

Chọn Mã - Tên thang điểm ▼

Trạng thái

Chọn trạng thái ▼

Đặt lại Áp dụng

3.1.5.2. Màn hình kt qu sau khi lc:

a. Màn hình pop-up b lc trng:



🔗 Danh mục xếp hạng đánh giá theo thang điểm

🔍 Tìm kiếm theo tên/ mã xếp hạng

🗑️ Lọc

+ Thêm mới

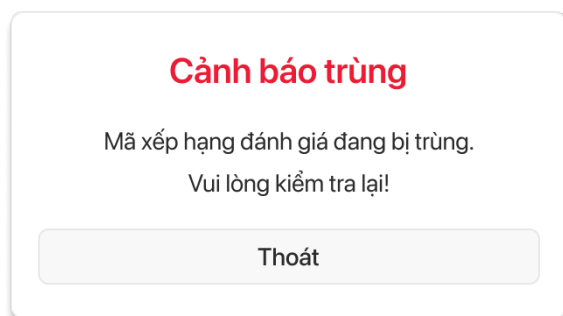


Ở đây chưa có gì cả
Hiện tại xếp hạng đánh giá thang điểm nào

b. Màn hình pop-up b lc có ghi nhn kt qu:

3.1.6. Màn hình pop-up cnh báo:

3.1.6.1. Màn hình cnh báo trùng mã xp hng:



3.1.6.2. Màn hình cnh báo trùng khong im

Cảnh báo trùng

Có khoảng điểm <chi tiết khoảng điểm> trong cùng mã xếp hạng giao nhau.

Vui lòng kiểm tra lại!

Thoát

3.1.6.3. Màn hình cảnh báo trùng mã thang im

Cảnh báo trùng

Mã thang điểm đang bị trùng.

Vui lòng kiểm tra lại!

Thoát

3.1.6.5. Màn hình pop-up Xác nhận hủy thêm mi mã bng xp hng

Xác nhận hủy

Bạn có chắc chắn muốn hủy thêm mới?

Hủy

Tôi chắc chắn

3.1.7. Màn hình thông báo

3.1.7.1. Thông báo thêm mi xp hng thành công



Thành công



Thêm mới xếp hạng đánh giá thành công

3.2 Lung:

3.2.1. Activity Diagram:

3.2.2. Sequence Diagram:

3.2.3. Flowchart:

STT	Field	Data Type / Length	Description	Note
1	code	Integer	0: thành công, != 0 tht bi	
2	message	String		
	result	Object	Object	
	(result)	Object[]	danh sách thông tin	
	(result) id	Integer	Id	
	(result) code	Integer	mã	
	(result) name	Integer	tên	
	(result)version	String	version	
	(result)createdAt	String	format date UTC	
	(result)scoreId	Integer	mã thang im	
	(result)ratingScaleName	String		
	(result)ratingScaleCode	String		
	(result)ratingScaleEvaluationType	String		
	(result)applyAt	String	thi gian áp dng	
	(result)status	Integer	trng thái	
	(result)scoreDetailLst	Object[]	danh sách chi tit	
	(result.scoreDetailLst)order	Integer		
	(result.scoreDetailLst)operatorMin	String	LESS_THAN, LESS_EQUAL	
	(result.scoreDetailLst)min	Double		
	(result.scoreDetailLst)operatorMax	String	GREATER_THAN, GREATER_EQUAL	
	(result.scoreDetailLst)max	Double		
	(result.scoreDetailLst)rating	String		
	(result.scoreDetailLst)recommended	String		

thêm mi ánh giá

3.3.2. Thêm mi ánh giá

3.3.2.1. Thông tin API

STT	mc	Ni dung
1	Method	POST
2	Description	API ly thông tin ánh giá NCC
3	Note	API mi
4	URL	application/supplier-rating

3.3.2.2. Headers

STT	Field	Source Data Type / Length	Description	Sample Values
1	authorization	String	Token	Bearer eyJhbGciOiJIUzI1NiJ9 eyJleHAiOiE3NjYzOTgyNDUsInV zZXliOiJ7XCJpZFwiOjIwMjAs XCJ1c2VybmFtZVwiOlwiM DM3NDc4ODQwNV wiLFwibmFtZVwiOlw iQ2h1IFRo4buLIExpw6pu XCIsXCJyb2xlciwiO ItdLFwibWFwQmVhdXR5U2 Fsb25clj7XCJicG0uc mVib3JuLnZuXCi6Nn0sXC JlbXBsb3llZUIkXCi6NTMxLFwiYnJ hbmNoSWRcl joyM30ifQ.qRoARDxjqyWS-3Az_Zq LmR0KAcPT M7jXggW1Ja5wpEc

3.3.2.3. Param

STT	Field	Required	Data Type / Length	Description	Note
1	code	Integer	mã		
2	name	Integer	tên		
3	version	String	version		
4	scoreId	Integer	mã thang im		
5	applyAt	String	thi gian áp dng		
6	scoreDetailLst	Object[]	danh sách chi tit		
	(result.scoreDetailLst)order	Integer			
	(result.scoreDetailLst)operatorMin	String	LESS_THAN, LESS_EQUAL		
	(result.scoreDetailLst)min	Double			
	(result.scoreDetailLst)operatorMax	String	GREATER_THAN, GREATER_EQUAL		
	(result.scoreDetailLst)max	Double			
	(result.scoreDetailLst)rating	String			
	(result.scoreDetailLst)recommended	String			

3.3.2.4. Response / Incoming Data Specification

STT	Field	Data Type / Length	Description	Note
	code	Integer	0: thành công, != 0 tht bi	
	message	String		
	result	Object	Object	
		Object[]	danh sách thông tin	
	(result) id	Integer	Id	
	(result) code	Integer	mã	
	(result) name	Integer	tên	
	(result)version	String	version	
	(result)createdAt	String	format date UTC	
	(result)scoreId	Integer	mã thang im	
	(result)ratingScaleName	String		
	(result)ratingScaleCode	String		
	(result)ratingScaleEvaluationType	String		
	(result)applyAt	String	thi gian áp dng	
	(result)status	Integer	trng thái	
	(result)scoreDetailLst	Object[]	danh sách chi tit	
	(result.scoreDetailLst)order	Integer		
	(result.scoreDetailLst)operatorMin	String	LESS_THAN, LESS_EQUAL	
	(result.scoreDetailLst)min	Double		
	(result.scoreDetailLst)operatorMax	String	GREATER_THAN, GREATER_EQUAL	
	(result.scoreDetailLst)max	Double		
	(result.scoreDetailLst)rating	String		
	(result.scoreDetailLst)recommended	String		

get chi tit ảnh giá

Method	GET	URL	application/supplier-rating/get
Description	API ly thông tin chi tit ánh giá NCC		
Note	API mi		

1. Headers

STT	Field	Source Data Type / Length	Description	Sample Values
1	authorization	String	Token	Bearer eyJhbGciOiJIUzI1NiJ9.eyJleHAiOiE3NjYzOTgyNDUsInVzZXIiOiJ7XCJpZmwiOjIwMjAsXCJ1c2VybmlFwibWFwQmVhdXR5U2Fsb25clj7XCJicG0ucmVib3JuLnZuXCi6Nn0sXCJlbXBsb3llZUIkXCi6NTMxLFwiYnJhbmNoSWRcljoyM30ifQ.qRoarDxjqyWS-3Az_ZqLmR0KAcPTM7jXggW1Ja5wpEc

2. Param

STT	Field	Required	Data Type / Length	Description	Note
1	id	Integer	mã		

3. Response / Incoming Data Specification

STT	Field	Data Type / Length	Description	Note
	code	Integer	0: thành công, != 0 tht bi	
	message	String		
	result	Object	Object	
		Object[]	danh sách thông tin	
	(result) id	Integer	Id	
	(result) code	Integer	mã	
	(result) name	Integer	tên	
	(result) version	String	version	
	(result) createdAt	String	format date UTC	
	(result) scoreId	Integer	id thang im	
	(result) ratingScaleName	String	tên thang im	
	(result) ratingScaleCode	String	mã thang im	
	(result) ratingScaleEvaluationType	String	loi ánh giá	
	(result) applyAt	String	thi gian áp dng	
	(result) status	Integer	trng thái	
	(result) scoreDetailLst	Object[]	danh sách chi tit	
	(result.scoreDetailLst) order	Integer		
	(result.scoreDetailLst) operatorMin	String	LESS_THAN, LESS_EQUAL	
	(result.scoreDetailLst) min	Double		
	(result.scoreDetailLst) operatorMax	String	GREATER_THAN, GREATER_EQUAL	
	(result.scoreDetailLst) max	Double		
	(result.scoreDetailLst) rating	String		
	(result.scoreDetailLst) recommended	String		

3.4 Mô t các trng d liu trên màn hình:

3.4.1. Màn hình Danh mc xp hng ánh giá nhà cung cp:

	Trng thông tin /Nút chnc nng	Kiu d liu	iu kin	Quy nh	Mô t
1	STT	S (Number)	Khôn g bt buc	- H thng t ng gán STT theo ngày to : <ul style="list-style-type: none"> Xp hng mi hn thì s th t (STT) nh hn. Xp hng c hn thì s th t (STT) ln hn. - Không cho phép ngi dùng thao tác tng tác (nhn/chn/sa).	Th hin th t các bn ghi xp hng ánh giá ti màn hình "Danh sách xp hng ánh giá"
2	Mã xp hng ánh giá	Hyperlink	Khôn g bt buc	- Không cho phép ngi dùng thao tác tng tác xóa/sa - Mã xp hng ánh giá là giá tr duy nht, không c trùng vi bt k mã xp hng ánh giá nào ã tn ti. -Cho phép ngi dùng nhn vào mã xp hng xem chi tit màn hình	Mã nh danh duy nht ca xp loi ánh giá
3	Tên xp hng ánh giá	Vn bn (Text)	Khôn g bt buc	Không cho phép ngi dùng thao tác tng tác (nhn/chn/sa).	Th hin thông tin tên xp loi ánh giá
4	Mã thang im-Tên thang im	Vn bn (Text)	Khôn g bt buc	Không cho phép ngi dùng thao tác tng tác (nhn/chn/sa).	Th hin mã nh danh duy nht ca thang im tng ng vi xp loi ánh giá
5	Loi ánh giá	Vn bn (Text)	Khôn g bt buc	Không cho phép ngi dùng thao tác tng tác (nhn/chn/sa).	Th hin thông tin loi ánh giá áp dng cho thang im
6	Lnh vc	Vn bn (Text)	Khôn g bt buc	Không cho phép ngi dùng thao tác tng tác (nhn/chn/sa).	Th hin thông tin lnh vc kinh doanh ca NCC mà thang im ang áp dng vi lnh vc tng ng
7	Phiên bn	S (Number)	Khôn g bt buc	- Không cho phép ngi dùng thao tác tng tác (nhn/chn/sa). - T ng sinh khi to mi/chnh sa thông tin bng thông tin xp hng thành công Vi mi bng xp hng ánh giá quy nh ánh s bt u t V1	Th hin thông tin phiên bn ca mã xp hng ánh giá
8	Ngày to	Thi gian (Date - Time)	Khôn g bt buc	Không cho phép ngi dùng thao tác tng tác (nhn/chn/sa).	Th hin thông tin ngày to ca mã xp hng ánh giá
9	Ngày áp dng	Thi gian (Date - Time)	Khôn g bt buc	- Không cho phép ngi dùng thao tác tng tác (nhn/chn/sa).	Th hin thông tin ngày phiên bn bt u có hiu lc.
10	Trng thái	La chn (Droplist)	Khôn g bt buc	- Không cho phép ngi dùng thao tác tng tác xóa/sa - H thng hin th 3 loi ánh giá bao gm: <ul style="list-style-type: none"> Hot ng Không hot ng óng 	Th hin trng thái hot ng ca xp hng ánh giá
11	Tim kim	Vn bn (Text)	Khôn g bt buc	- Cho phép ngi dùng nhp t khóa liên quan n " Tên xp hng- Mã xp hng ". - H thng thc hin tim kim và cp nht màn hình "Danh sách xp hng ánh giá" khi ngi dùng nhn Enter hoc biu tng kính lúp sau khi hoàn thành nhp t khóa. - Hành vi h thng khi Th hin kt qu: <ul style="list-style-type: none"> Trng hp 1 - Có kt qu: <ul style="list-style-type: none"> iu kin: Có ít nht mt bn ghi trong h thng khi vi t khóa ngi dùng nhp. Hành vi: H thng Th hin danh sách các xp hng ánh giá khi vi t khóa tìm kim. Trng hp 2 - Không có kt qu/Danh sách trng (không có d liu ban u): <ul style="list-style-type: none"> iu kin: Không có bn ghi nào khi vi t khóa tìm kim hoc danh sách xp hng ánh giá ban u trng. Hành vi: H thng Th hin thông báo "<i>ây cha có gì c. Hin ti cha có xp hng ánh giá nào. Hãy thêm mi xp hng ánh giá u tiên nhé!</i> 	Th hin ô tim kim vi gi ý mc nh (placeholder) " <i>Tim theo Tên xp hng- Mã xp hng</i> " và biu tng kính lúp u ô nhp.

12	Nút thêm mi	Nút chức năng (Button)	Không có nút bấm	- Cho phép người dùng nhìn thấy màn hình pop-up "Thêm mã xu hướng ảnh giá" - Màn hình pop up "Thêm mã xu hướng ảnh giá": tham chiếu mc 3.4.2 Màn hình Pop-up Thêm mã xu hướng ảnh giá	Thị trường nút chức năng thêm mã xu hướng ảnh giá
13	Nút Chỉnh sửa	Nút chức năng (Button)	Không có nút bấm	- Cho phép người dùng nhìn thấy màn hình pop-up "Chỉnh sửa xu hướng ảnh giá" - Màn hình pop up "Chỉnh sửa xu hướng ảnh giá": tham chiếu mc 3.4.7 Màn hình Pop-up Chỉnh sửa xu hướng ảnh giá	Thị trường nút chức năng chỉnh sửa thông tin xu hướng ảnh giá
14	Nút lọc	Nút chức năng (Button)	Không có nút bấm	- Cho phép người dùng nhìn thấy màn hình pop-up "B lọc" - Màn hình pop-up "B lọc": tham chiếu mc 3.4.3.5. Màn hình pop-up "B lọc"	Thị trường nút chức năng màn hình pop-up lọc

3.4.2 Màn hình Pop-up Thêm mã xu hướng ảnh giá

STT	Trạng thái thông tin / Nút chức năng	Kiểu dữ liệu	Yêu cầu	Quy định	Mô tả
1	Thông tin thêm mã				
1.1	Mã xu hướng ảnh giá	Văn bản (Text)	Nút bấm	- Cho phép người dùng nhập mã xu hướng ảnh giá. - Khi người dùng nhấn nút Áp dụng, hệ thống thực hiện kiểm tra và mã bỏ mã xu hướng ảnh giá không trùng với các mã đã tồn tại trên hệ thống: Tham chiếu nút Áp dụng STT 10.	Thị trường mã danh duy nhất của xu hướng ảnh giá
1.2	Tên xu hướng ảnh giá	Văn bản (Text)	Nút bấm	Cho phép nhập tên xu hướng ảnh giá	Thị trường thông tin tên xu hướng ảnh giá
1.3	Mã thang im - Tên thang im	Liệt kê (Droplist)	Nút bấm	Cho phép chọn mã thang im tên thang im đang hoạt động trong danh mục - Cho phép hiển thị theo kiểu: "Mã thang im - Tên thang im" dựa vào danh sách có lý do trong "Mã thang im" + "Tên thang im" từ 2327_User Story - Khai báo danh mục thang im - Không có trùng mã thang im ảnh giá	Thị trường mã danh duy nhất của thang im tương ứng với xu hướng ảnh giá - Dựa vào danh sách thang im có lý do trong "Mã thang im" + "Tên thang im" từ Danh mục Thang im thực phẩm và Quản lý danh mục
1.4	Lời ảnh giá	Liệt kê (Droplist)	Nút bấm	Cho phép tùy chọn lý do thông tin trong "lời ảnh giá" theo mã thang im tên thang im từ trong "lời ảnh giá" trong 2327_User Story - Khai báo danh mục thang im	Thị trường thông tin lời ảnh giá áp dụng cho thang im <ul style="list-style-type: none"> 1 - ảnh giá In u 2 - ảnh giá nh k 3 - ảnh giá trong s dụng dịch v 4 - ảnh giá sau s dụng dịch v
1.5	Lĩnh vực	Liệt kê (Droplist)	Nút bấm	Cho phép tùy chọn lý do thông tin trong "lĩnh vực" theo mã thang im tên thang im từ trong "lĩnh vực" trong 2327_User Story - Khai báo danh mục thang im	Thị trường thông tin lĩnh vực kinh doanh của NCC mã thang im đang áp dụng vì lĩnh vực tương ứng
1.6	Ngày áp dụng	Thời gian (Date)	Nút bấm	- Người dùng nhập thông tin thời gian theo nhu cầu quy định - Cho phép nhập thời gian nhỏ hơn thời gian ngày tối	Thị trường thông tin
1.7	Bảng thông tin xu hướng ảnh giá		Nút bấm	Cho phép nhập thông tin vào bảng xu hướng ảnh giá	Thị trường thông tin các không gian ảnh giá xu hướng nhà cung cấp
1.8	Trạng thái hoạt động	Liệt kê (Droplist)	Không có nút bấm	- Cho phép nhìn thấy trạng thái xu hướng ảnh giá - Giá trị của trạng thái: <ul style="list-style-type: none"> Hoạt động: Thông tin đang hoạt động và có thể sử dụng. Không hoạt động: Thông tin đang không hoạt động và không thể sử dụng. Đóng: Thông tin thực phẩm bị cấm, không thể tiếp tục sử dụng. 	Thị trường trạng thái của xu hướng ảnh giá vì giá trị tương ứng
1.9	Nút X	Nút chức năng (Button)	Không có nút bấm	Khi người dùng nhấp, quay lại màn hình trước.	Thị trường nút chức năng cho phép đóng pop-up

1	Tiêu pop-up	Vn bn (Text)	Bt buc	Không cho phép ngi dùng thao tác tng tác (nhn/chn/sa).	Th hin tiêu pop-up "Cnh báo trùng"
2	Vn bn cnh báo	Nút chc nng (Button)	Bt buc	Không cho phép ngi dùng thao tác tng tác (nhn/chn/sa).	- Th hin vn bn cnh báo - Ni dung vn bn cnh báo: "mã xp hng ánh giá ang b trùng. Vui lòng kim tra li!"
3	Nút "Thoát"	Nút chc nng (Button)	Bt buc	- Cho phép ngi dùng nhn tt màn hình pop-up. - Khi nhn, màn hình pop-up óng li và h thng iu hng v màn hình v màn hình "Thêm mi xp hng ánh giá" - Màn hình "Thêm mi xp hng ánh giá": Tham chiu mc 3.4.2. Màn hình pop-up "Thêm mi xp hng ánh giá"	Th hin nút "Thoát" óng màn hình cnh báo pop up trùng

3.4.3.2. Pop up "Cnh báo trùng" mã thang im trùng

	Trng thông tin /Nút chc nng	Kiu d liu	iu kin	Quy nh	Mô t
1	Tiêu pop-up	Vn bn (Text)	Bt buc	Không cho phép ngi dùng thao tác tng tác (nhn/chn/sa).	Th hin tiêu pop-up "Cnh báo trùng"
2	Vn bn cnh báo	Nút chc nng (Button)	Bt buc	Không cho phép ngi dùng thao tác tng tác (nhn/chn/sa).	- Th hin vn bn cnh báo - Ni dung vn bn cnh báo: " mã thang im b trùng ". Vui lòng kim tra li!"
3	Nút "Thoát"	Nút chc nng (Button)	Bt buc	- Cho phép ngi dùng nhn tt màn hình pop-up. - Khi nhn, màn hình pop-up óng li và h thng iu hng v màn hình v màn hình "Thêm mi xp hng ánh giá" - Màn hình "Thêm mi xp hng ánh giá": Tham chiu mc 3.4.2. Màn hình pop-up "Thêm mi xp hng ánh giá"	Th hin nút "Thoát" óng màn hình cnh báo pop up trùng

3.4.3.3. Pop up "Cnh báo trùng" mã thang im trùng khong im trong cùng mã xp hng giao nhau

	Trng thông tin/Nút chc nng	Kiu d liu	iu kin	Quy nh	Mô t
1	Tiêu pop-up	Vn bn (Text)	Bt buc	Không cho phép ngi dùng thao tác tng tác (nhn/chn/sa).	Th hin tiêu pop-up "Cnh báo trùng"
2	Vn bn cnh báo	Nút chc nng (Button)	Bt buc	Không cho phép ngi dùng thao tác tng tác (nhn/chn/sa).	- Th hin vn bn cnh báo - Ni dung vn bn cnh báo: " Có khong im <chi tit khong im> trong cùng mã xp hng giao nhau ". Vui lòng kim tra li!"
3	Nút "Thoát"	Nút chc nng (Button)	Bt buc	- Cho phép ngi dùng nhn tt màn hình pop-up. - Khi nhn, màn hình pop-up óng li và h thng iu hng v màn hình v màn hình "Thêm mi xp hng ánh giá" - Màn hình "Thêm mi xp hng ánh giá": Tham chiu mc 3.4.2. Màn hình pop-up "Thêm mi xp hng ánh giá"	Th hin nút "Thoát" óng màn hình cnh báo pop up trùng

3.4.3.4. Màn hình pop-up "B lc"

	Trng thông tin/Nút chc nng	Kiu d liu	iu kin	Quy nh	Mô t
1	Phiên bn	Vn bn (Text)	Không bt buc	- Cho phép ngi dùng nhn chn giá tr nhà cung cp t danh sách th xung ca trng. - Hành vi h thng khi thc hin lc nh sau: <ul style="list-style-type: none"> Trng hp 1: Ngì dùng chn giá tr phiên bn: Khi nhn nút "Áp dng", h thng lc danh sách phiên bn theo mã phiên bn ã chn. Trng hp 2: Ngì dùng không chn giá tr phiên bn: Khi nhn nút "Áp dng", h thng không lc danh sách xp hng ánh giá theo trng phiên bn. 	Th hin tên nhà cung cp trong hp ng vi gi ý mc nh (placeholder) "Chn phiên bn"

2	Mã thang im- Tên thang im	La chn (Select)	Khôn g bt buc	- Cho phép ngi dùng nhn chn giá tr mã thang im- tên thang im t danh sách th xung ca trng. - Hành vi h thng khi thc hin lc nh sau: • Trng hp 1: Ngì dùng chn giá tr mã thang im- tên thang im: Khi nhn nút "Áp dng", h thng lc danh sách hp ng theo d án ã chn. • Trng hp 2: Ngì dùng không chn giá tr tên d án: Khi nhn nút "Áp dng", h thng không lc danh sách xp hng ánh giá theo trng • Mã thang im- Tên thang im	Th hin tên d án trong hp ng vi gi ý mc nh (placeholder) "Chn mã thang im- tên thang im"
3	Trng thái	La chn (Select)	Khôn g bt buc	- Cho phép ngi dùng nhn chn giá tr trng thái t danh sách th xung ca trng. - Hành vi h thng khi thc hin lc nh sau: • Trng hp 1: Ngì dùng chn giá tr trng thái: Khi nhn nút "Áp dng", h thng lc danh sách trng thái ã chn. • Trng hp 2: Ngì dùng không chn giá tr trng thái: Khi nhn nút "Áp dng", h thng không lc danh sách xp hng ánh giá theo trng trng thái.	Th hin trng thái ca hp ng vi gi ý mc nh (placeholder) "Chn trng thái"
4	Nút "Áp dng"	Nút chc ng (Button)	Khôn g bt buc	- Cho phép ngi dùng nhn áp dng nhng tiêu chí lc ã chn. - Hành vi hin th kt qu h thng khi ngi dùng nhn nút "Áp dng" nh sau: • Trng hp 1: Không chn bt k tiêu chí lc nào: ◦ H thng vn cho phép ngi dùng nhn nút "Áp dng". ◦ Sau khi nhn, h thng óng pop-up nhng không thc hin lc. ◦ Màn hình "Danh sách hp ng" vn gi nguyên d liu nh trc khi thao tác. ◦ Không hin th bt k thông báo li hay cnh báo nào. • Trng hp 2: Chn mt hoc nhiu tiêu chí lc: ◦ H thng vn cho phép ngi dùng nhn nút "Áp dng". ◦ Sau khi nhn, h thng óng pop-up và thc hin lc theo toàn b các tiêu chí mà ngi dùng ã chn. ◦ Màn hình "Danh sách hp ng" c cp nht và hin th theo úng nhng tiêu chí ngi dùng chn ã chn.	Th hin nút áp dng tiêu chí lc c chn
5	Nút "t li"	Nút chc ng (Button)	Khôn g bt buc	- Cho phép ngi dùng nhn t li tt c tiêu chí lc v trng thái mc nh ban u. - Hành vi h thng khi ngi dùng nhn nút "t li" nh sau: • Hành vi 1: Toàn b các trng trên màn hình pop-up "B lc" s c chuy n v giá tr mc nh ban u. • Hành vi 2: Màn hình pop-up "B lc" vn c gi trng thái m ngi dùng có th tip tc thao tác.	Th hin nút t li tt c tiêu chí lc v trng thái mc nh ban u.
6	Nút "X"	Nút chc ng (Button)	Khôn g bt buc	- Cho phép ngi dùng nhn hy b thao tác lc. - Khi nhn, màn hình pop-up "B lc" óng li.	Th hin nút "X" hy b thao tác lc.

3.4.4. Màn hình Xem chi tit xp hng ánh giá

	Trng thông tin /Nút chc nng	Kiu d liu	iu kin	Quy nh	Mô t
1	Mã xp hng ánh giá	Vn bn (Text)	Bt buc	Không cho phép ngi dùng thao tác tng tác (nhn/chn/sa).	Mã nh danh duy nht ca xp loi ánh giá
2	Tên xp hng ánh giá	Vn bn (Text)	Bt buc	Không cho phép ngi dùng thao tác tng tác (nhn/chn/sa).	Th hin thông tin tên xp loi ánh giá
3	Thang im	La chn (Droplist)	Bt buc	Không cho phép ngi dùng thao tác tng tác (nhn/chn/sa).	Th hin mã nh danh duy nht ca thang im tng ng vi xp loi ánh giá
4	Loi ánh giá	La chn (Droplist)	Bt buc	Không cho phép ngi dùng thao tác tng tác (nhn/chn/sa).	Th hin thông tin loi ánh giá áp dng cho thang im
5	Lnh vc	La chn (Droplist)	Bt buc	Không cho phép ngi dùng thao tác tng tác (nhn/chn/sa).	Th hin thông tin lnh vc kinh doanh ca NCC mà thang im ang áp dng vi loi ánh giá tng ng
6	Phiên bn	S (Number)	Bt buc	Không cho phép ngi dùng thao tác tng tác (nhn/chn/sa).	Th hin s phiên bn ca mã xp hng ánh giá.
7	Ngày to	Thi gian (Date - Time)	Bt buc	Không cho phép ngi dùng thao tác tng tác (nhn/chn/sa).	Th hin s phiên bn ca mã xp hng ánh giá.
8	Ngày áp dng	Thi gian (Date - Time)	Bt buc	Không cho phép ngi dùng thao tác tng tác (nhn/chn/sa).	Th hin thông tin
9	Bng thông tin xp hng ánh giá		Bt buc	Không cho phép ngi dùng thao tác tng tác (nhn/chn/sa).	Th hin thông tin các khong im ánh giá xp hng nhà cung cp Chi tit màn hình bng thông tin xp hng ánh giá 3.4.3.1

10	Trng thái	La chn (Droplist)	Không bt buc	Không cho phép ngi dùng thao tác tng tác (nhn/chn/sa).	Th hin trng thái ca xp loi ánh giá
11	Nút óng "X"	Nút chc nng (Button)	Không bt buc	Khi nhn óng popup, quay li màn hình trc.	Th hin nút chc nng cho phép óng popup
12	Nút hy	Nút chc nng (Button)	Không bt buc		óng pop-up vào không lu thông tin

3.4.4.1 Bng thông tin xp hng xem chi tit

	Trng thông tin/Nút chc nng	Kiu d liu	iu kin	Quy nh	Mô t
1	Giá tr im s ti thiu (phn chn công thc)	La chn (Droplist)	Bt buc	Không cho phép ngi dùng thao tác tng tác (nhn/chn/sa).	Th hin công thc xác nh iu kin so sánh cho giá tr im s ti thiu.
2	Giá tr im s ti thiu	S (Number)	Bt buc	Không cho phép ngi dùng thao tác tng tác (nhn/chn/sa).	Th hin giá tr nh nht hoc bng ca im bt u cho khong xp hng tng ng vi thang im
3	Giá tr im s ti a	La chn (Droplist)	Bt buc	Không cho phép ngi dùng thao tác tng tác (nhn/chn/sa).	Th hin công thc xác nh iu kin so sánh cho giá tr im s ti a
4	Giá tr im s ti a	S (Number)	Bt buc	Không cho phép ngi dùng thao tác tng tác (nhn/chn/sa).	Th hin giá tr ln nht hoc bng ca im kt thúc cho khong xp hng tng ng vi thang im
5	Xp hng	Vn bn (Text)	Bt buc	Không cho phép ngi dùng thao tác tng tác (nhn/chn/sa).	Th hin tên mc xp hng tng ng vi khong im ánh giá
6	xut	Vn bn (Text)	Bt buc	Không cho phép ngi dùng thao tác tng tác (nhn/chn/sa).	xut tng ng vi s im xp loi t c

3.4.5. Màn hình Ich s ánh giá nhà thu :

	Trng thông tin/Nút chc nng	Kiu d liu	iu kin	Quy nh	Mô t
1	Phiên bn xp hng	S (Number)	Bt buc	Không cho phép ngi dùng thao tác tng tác (nhn/chn/sa).	Th hin s phiên bn ca mã xp hng ánh giá.

3.4.6. Màn hình chi tit Ich s ánh giá nhà thu :

	Trng thông tin/Nút chc nng	Kiu d liu	iu kin	Quy nh	Mô t
1	Ghi chú ánh giá	Vn bn (Text)	Bt buc	Không cho phép ngi dùng thao tác tng tác (nhn/chn/sa).	Th hin thông tin ghi chú ánh giá ly thông tin t trng "ghi chú/ánh giá" trong màn hình US 2511_User Story - Nhân viên ánh giá nhà cung cp, nhà thu
2	Mã xp hng ánh giá	Vn bn (Text)	Bt buc	Không cho phép ngi dùng thao tác tng tác (nhn/chn/sa).	Th hin thông tin mã xp hng ánh giá nhà cung cp ly thông tin t trng "Mã xp hng ánh giá" t 2725_User Story - Nhân viên mua hàng to yêu cu ánh giá NCC, Nhà thu
3	Phiên bn xp hng	S (Number)	Bt buc	Không cho phép ngi dùng thao tác tng tác (nhn/chn/sa).	Th hin s phiên bn ca mã xp hng ánh giá ly thông tin t trng " phiên bn" trong màn hình Danh mc xp hng ánh giá nhà cung cp
4	Xp hng ánh giá	Vn bn (Text)	Bt buc	Không cho phép ngi dùng thao tác tng tác (nhn/chn/sa).	Th hin xp hng ánh giá ca nhà cung cp ly thông tin t trng " Tên xp hng ánh giá" trong màn hình Danh mc xp hng ánh giá nhà cung cp
5	xut	Vn bn (Text)	Bt buc	Không cho phép ngi dùng thao tác tng tác (nhn/chn/sa).	Th hin xut tng ng vi s im xp loi t c ly thông tin t trng " xut" trong màn hình Xem chi tit xp hng ánh giá

3.4.7. Màn hình Pop-up Chnh sa xp hng ánh giá: Tham chiu [4024 - User Story - Xp hng, xut nhà cung cp nhà thu \(v2\)](#)

3.4.8. Cp nht thông tin xp hng và xut, phiên bn áp dng khi cp nht thông tin ánh giá lên Ich s ánh giá theo mã xp hng ca thang im tng ng ang hot ng: Tham chiu [4024 - User Story - Xp hng, xut nhà cung cp nhà thu \(v2\)](#)